

Số: 148/2015/NQ-HĐND

Pleiku, ngày 11 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Về tình hình thực hiện các chỉ tiêu đạt được giai đoạn 2011 - 2015
Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng
5 năm 2016 - 2020 của tỉnh Gia Lai**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 11 (Từ ngày 08/12 đến ngày 11/12/2015)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;
Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ
về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

Căn cứ Văn bản số 5316/BKHĐT-TH ngày 15/8/2014 của Bộ Kế hoạch
và Đầu tư về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5
năm 2016 - 2020;

Sau khi xem xét tờ trình số 5285/TTr-UBND ngày 23/11/2015 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch phát triển kinh
tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội
đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu tại Kỳ họp
thứ 11, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành các chỉ tiêu đạt được của kế
hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng giai đoạn 2011-
2015 và thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc
phòng giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Gia Lai với những nội dung chủ yếu sau:

I. Những kết quả đạt được giai đoạn 2011-2015

1. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

- Theo giá so sánh 1994, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân đạt
12,81%/năm, (mục tiêu kế hoạch đề ra là 12,8%/năm), trong đó ngành nông,
lâm, thủy sản tăng 7,2%, ngành công nghiệp, xây dựng tăng 15,8%, ngành
dịch vụ tăng 15,5%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch phù hợp với điều kiện thực
tiễn của tỉnh, đến năm 2015 ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 36,22%, ngành
công nghiệp, xây dựng chiếm 33,61%, ngành dịch vụ chiếm 30,17%; GDP
bình quân đầu người đạt 39,1 triệu đồng, GRDP bình quân đầu người đạt 35
triệu đồng.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (theo giá cố định 1994) tăng bình quân 7,01%/năm, vượt kế hoạch 0,41%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ 38.000 tỷ đồng, tăng bình quân 24,04%/năm. Kim ngạch xuất khẩu 310 triệu USD, tăng bình quân 8,29%/năm, gấp 1,24 lần so với kế hoạch. Tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,28%, đạt 100% kế hoạch. Giải quyết việc làm 5 năm 2011-2015 là 119.965 người. Tỷ lệ hộ nghèo năm cuối kỳ 11,67%, giảm 3,18%/năm, vượt kế hoạch. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 85%. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 19,4% (kế hoạch 17,6%). Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020 đạt 31,1%. Số giường bệnh trên vạn dân đạt 24,4 giường. Số bác sỹ trên vạn dân đạt 7,18 bác sỹ. Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ đạt 80%. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 75,3%. Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch > 99%. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh là 85%. Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom đạt 93%.

- Tuy nhiên, còn một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch, như: Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá cố định 1994 tăng bình quân 15,45%/năm (kế hoạch 17,4%/năm). Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm đạt 60.703 tỷ đồng, bằng 89,6% so với kế hoạch. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm cuối kỳ đạt 3.050 tỷ đồng; tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách hàng năm là 5,6%; tỷ lệ che phủ rừng (kể cả diện tích cao su) năm cuối kỳ đạt 46,1%.

II. Một số nội dung chủ yếu về kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016-2020

1. Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm (GRDP) đạt 7,5% trở lên; trong đó, ngành nông-lâm-thủy sản tăng 5,57%, ngành công nghiệp-xây dựng tăng 8,49%, ngành dịch vụ tăng 8,75%. Tỷ trọng nông-lâm-thủy sản, công nghiệp-xây dựng, dịch vụ đến năm 2020 là 37,25%, 28,9%, 33,85%. GRDP bình quân đầu người đạt 54,8 triệu đồng/người.

2. Các ngành lĩnh vực phấn đấu đạt các chỉ tiêu sau:

- Phát triển nông nghiệp trên cơ sở phát huy lợi thế, tiềm năng đất đai và tổ chức lại sản xuất; kết hợp phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến sâu; Sản lượng lương thực có hạt trung bình hằng năm đạt 650.200 tấn; diện tích rừng trồng mới hằng năm đạt trên 800 ha. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học, chuyển đổi cơ cấu cây trồng một cách hợp lý. Đến năm 2020 duy trì ổn định diện tích cao su, cà phê, hồ tiêu; sử dụng linh hoạt diện tích đất trồng cây hàng năm; phát triển mạnh chăn nuôi theo quy mô công nghiệp, khép kín theo chuỗi giá trị. Đến năm 2020 có 70 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 38%.

- Phấn đấu tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước đạt 9-10%/năm.

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 8,49%/năm. Khuyến khích phát triển công nghiệp theo nhóm, chuỗi sản phẩm, thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, khuyến khích để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đầu tư các cơ sở chế biến quy mô lớn, có

thiết bị, công nghệ tiên tiến chế biến sản phẩm tinh chế.

- Phần đầu ngành dịch vụ tăng bình quân 8,75%/năm. Chú trọng phát triển một số ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, có tiềm năng như: du lịch, công nghệ thông tin, viễn thông, tài chính, ngân hàng. Đảm bảo hàng hóa lưu thông thông suốt, giá cả ổn định. Chú trọng xuất khẩu để đảm bảo đầu ra cho các sản phẩm chủ lực; phần đầu kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 630 triệu USD, tăng bình quân 15,24%/năm.

3. Về văn hóa - xã hội, môi trường: Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,8%/năm; đến năm 2020 giảm còn 2,68% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015). Phần đầu đến năm 2020 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1,2%; tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 88%; tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc trung học cơ sở đạt 91,5%; tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 40%; có 100% dân số thành thị và 95% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh; tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%; tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế 61,3% và đạt 8 bác sĩ/ vạn dân; tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 90,1% dân số; độ che phủ rừng 46,6%.

4. Về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

- Tiếp tục tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu. Giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới; đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch và bọn phản động Fulro; xây dựng các phương án tác chiến cụ thể ứng phó kịp thời các tình huống xảy ra, không để bị động, bất ngờ. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, bảo đảm an ninh kết hợp với phát triển kinh tế. Tiếp tục củng cố và xây dựng khu vực phòng thủ giữ vững nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, nhất là tại các điểm nóng, các địa bàn trọng điểm.

- Huy động sức mạnh tổng hợp toàn dân tham gia vào các chương trình phòng, chống tội phạm; ngăn chặn, kiềm chế tội phạm. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, kiên quyết đấu tranh triệt phá các băng nhóm tội phạm; giải quyết dứt điểm các vụ việc ở cơ sở, không để kẻ xấu lợi dụng gây biểu tình, bạo loạn phá hoại sản xuất.

- Nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương các tổ chức, đoàn thể trong công tác đảm bảo ATGT nhằm giảm thiểu tai nạn giao thông một cách bền vững.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trên các lĩnh vực, nâng cao chỉ số về cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh; tập trung triển khai dịch vụ hành chính công, minh bạch hóa thủ tục hành chính. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong từng cơ quan, địa phương, cá nhân, tổ chức. Xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, những nhiều, vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ.

- Đề cao trách nhiệm của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương; thực

hiện nghiêm túc quy định trong công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; tập trung giải quyết ngay từ cơ sở, không để phát sinh thành điểm nóng, tụ tập đông người.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2016-2020 của tỉnh Gia Lai. Đồng thời, kiểm tra, rà soát, bổ sung kế hoạch trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa X, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2015 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; VPQH;
- Ban Công tác đại biểu;
- Thủ tướng CP; VPCP;
- Bộ Tài chính; Bộ KHĐT;
- Cục kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; VP Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP. UBND tỉnh (đăng công báo);
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- CV Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT-CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Dương Văn Trang